

# **QUÁ TRÌNH HOÀ GIẢI QUAN HỆ ĐỨC - PHÁP:**

## **NHỮNG KINH NGHIỆM CÓ THỂ CHO QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KHU VỰC ĐÔNG Á**

**TS. Phạm Quang Minh**

*Khoa Quốc tế học*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*

### **1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trong trật tự thế giới hiện đại, khi xem xét vị trí và vai trò của mỗi quốc gia, người ta thường tiến hành phân tích từ nhiều cấp độ khác nhau, trong mối liên hệ với quốc tế, khu vực và liên khu vực. Liệu vị trí và vai trò của Đức và Pháp trong tiến trình hình thành Liên minh Châu Âu có tương tự như vị trí và vai trò của Trung Quốc và Nhật Bản trong tiến trình hình thành Cộng đồng Đông Á hay không, là một câu hỏi thú vị?

Xét một cách khái quát, cả bốn quốc gia này có một số điểm tương đồng. Thứ nhất, các nước này đều là những nước lớn trong khu vực của mình, có ảnh hưởng và tầm quan trọng nhất định tới sự phát triển của khu vực. Thứ hai, các quốc gia này đều có mâu thuẫn sâu sắc trong lịch sử, ở những mức độ và khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, sự khác biệt cơ bản dễ nhận thấy khi nghiên cứu về quan hệ quốc tế của khu vực Tây Âu và Đông Á và quan hệ song phương giữa các quốc gia này là Đức và Pháp đã vượt qua được những mâu thuẫn, bắt tay hợp tác vì sự phát triển chung, trong khi Nhật và Trung Quốc dường như không gạt bỏ được những trở ngại của quá

khứ và hiện tại. Câu hỏi đặt ra là tại sao Đức và Pháp làm được điều đó và liệu những bài học đó có áp dụng được cho quan hệ Nhật-Trung hay không? Đây là vấn đề phức tạp, nhưng rất cần thiết, đòi hỏi phải đầu tư và công sức của nhiều người. Bài viết này cố gắng trình bày quá trình hoà giải trong quan hệ Đức-Pháp, từ đó rút ra một số nhận xét cho sự hợp tác khu vực.

### **2. QUÁ TRÌNH HOÀ GIẢI QUAN HỆ ĐỨC-PHÁP**

#### **2.1. Quan hệ Đức-Pháp trước 1945**

Khi nghiên cứu lịch sử châu Âu, một điều dễ nhận thấy là ngay từ thời cổ-trung đại, hai quốc gia Đức và Pháp đã có mối liên hệ rất chặt chẽ. Bằng chứng rõ rệt nhất là sự tồn tại của Vương quốc Franken ở một địa bàn rộng lớn của Tây Âu. Sau thời kỳ phát triển rực rỡ, đến năm 814, Karl Đại Đế qua đời, vương quốc Franken tan rã. Trải qua nhiều lần tranh chấp, kế thừa, vương quốc Franken được chia thành hai vương quốc Đông và Tây, có đường biên giới chính trị gần như đồng nhất với đường ranh giới giữa hai vùng nói tiếng Đức và tiếng Pháp. Nếu như ở Đức, từ "Đức" lúc đầu có ý nghĩa ngôn

ngữ được chuyển thành chỉ nhóm người nói ngôn ngữ đó (người Đức) và khu vực mà họ sinh sống (nước Đức), thì ở Pháp, tộc Francs mạnh nhất đã thiết lập nhà nước Francie, sau này được gọi là France với trung tâm là Paris. Năm 911 được coi là thời điểm vương quốc Đông Franken chuyển thành vương quốc Đức.<sup>1</sup> Điều đó cho thấy, Đức và Pháp có mối liên hệ rất chặt chẽ về mặt lịch sử, là anh em sinh đôi và chỉ tách thành hai vương quốc vào thế kỷ X.

Trong thời Trung và Cận đại, cả hai nước Pháp và Đức phải vật lộn với những cuộc chiến tranh liên miên bên trong và bên ngoài nhằm giữ vững quyền lực của mình. Đối thủ chủ yếu của Đức trong thời kỳ này là các vùng Bắc và Trung Italia và cuộc đấu tranh với Giáo hoàng nhằm xác lập quyền thống trị ở châu Âu kéo dài tới 300 năm. Chiến tranh liên miên đã làm cho chính quyền trung ương ở Đức bị suy yếu, tạo cơ sở cho nạn cát cứ hoành hành và là nguyên nhân làm cho người Đức không có một quốc gia thống nhất sớm.

Trong giai đoạn thế kỷ XVII-XVIII, trên lãnh thổ Đức xuất hiện hàng loạt các vương quốc hùng mạnh như Bavaria, Sắcxông, Hannôvơ và đặc biệt là vương quốc Phổ dưới thời của Friedrich Đại đế (1740-1786). Nước Phổ trở thành một cường quốc quân sự hạng nhất ở châu Âu lúc bấy giờ. Cuộc cách mạng Pháp năm 1789 đã làm cho âm mưu của Phổ

muốn dùng vũ lực can thiệp vào các nước láng giềng bị thất bại. Sức mạnh quân sự của Napoleon đã làm cho đế chế Đức sụp đổ. Năm 1806, "Cộng đồng vùng sông Rhein" được thành lập dưới sự bảo trợ của Pháp, chấm dứt sự tồn tại của Đế chế La Mã thần thánh của nước Đức. Tuy nhiên, trong cuộc chiến chống Napoleon, một phong trào quốc gia mới đã ra đời và phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng. Cùng với cuộc chiến tranh giải phóng này, một phong trào cải cách đã diễn ra ở Đức. Sau khi chiến thắng Napoleon, Đại hội Viên 1814-1815 đã điều chỉnh một trật tự mới cho châu Âu. Hy vọng của người Đức về một quốc gia tự do thống nhất đã không được thực hiện. Một cộng đồng lỏng lẻo và một cơ quan đại diện ra đời. Tuy nhiên, điều này cũng tạo đà cho sự phát triển kinh tế ở Đức. Năm 1834, Hiệp hội Thuế quan Đức được thành lập. Năm 1835, tuyến đường sắt đầu tiên ở Đức được khai trương. Về mặt tư tưởng, một cuộc cách mạng đã nổ ra năm 1848, với mong muốn thực hiện nền dân chủ từ dưới lên, đã bị thất bại.

Những năm 50 của thế kỷ XIX đánh dấu bước nhảy vọt của nền kinh tế Đức. Nước Đức trở thành một quốc gia công nghiệp nhờ động lực chính là các ngành công nghiệp nặng và chế tạo máy. Với sức mạnh đó, nước Đức đã tiến hành chiến tranh với Đan Mạch năm 1864, buộc Đan Mạch phải từ bỏ vùng đất Schleswig-Holstein ở miền Bắc nước Đức. Cuộc chiến tranh với Áo năm 1866 cũng buộc Áo phải từ bỏ cuộc đấu tranh

<sup>1</sup> Cơ quan báo chí và thông tin chính phủ CHLB Đức, *Nước Đức-quá khứ và hiện tại*, Nxb Chính trị quốc gia 2003, tr.117-125.

giành quyền lực với Đức. Cộng đồng Bắc Đức được thành lập dưới sự lãnh đạo của Otto von Bismarck, thay cho Cộng đồng Đức trước đó. Chính Bismarck là người đã bẻ gãy sự phản kháng của Pháp trong cuộc chiến tranh Pháp-Phổ năm 1870-1871 nhằm giành ngôi kế vị ở Tây Ban Nha. Kết quả là Pháp buộc phải từ bỏ chủ quyền ở vùng Elsass-Lothringen và bồi thường chiến phí. Chiến tranh Pháp-Phổ cũng là cơ hội để Bismarck thống nhất các vùng Nam Đức thành Vương quốc Đức. Ngày 18/1/1871 tại Versailles, Vua Wilhelm I của Vương quốc Phổ đã chính thức trở thành Hoàng đế Đức. Trong thời gian 19 năm cầm quyền của mình, Bismarck đã giúp cho Đức có được một vị trí chắc chắn trong tương quan lực lượng ở châu Âu. Sau đó, dưới thời trị vì của Hoàng đế Wilhelm II, nước Đức thực hiện một chính sách thế giới với mong muốn đuổi kịp các cường quốc đế quốc khác. Cuộc Chiến tranh thế giới Thứ I đánh dấu sự sụp đổ của đế chế Đức, buộc Đức phải ký hiệp ước đầu hàng với nhiều điều khoản nặng nề như giảm quân đội, đền bù chiến phí. Pháp giành lại vùng Elsass-Lothringen. Tiếp theo đó, hai nước lại bị lôi cuốn vào một cuộc chiến tranh mới - Chiến tranh thế giới Thứ II. Một lần nữa, nước Đức lại bại trận và bị chia cắt thành 4 khu vực do 4 cường quốc là Anh, Pháp, Mỹ và Liên Xô kiểm soát.

Nói tóm lại, cho đến khi Chiến tranh thế giới Thứ hai chấm dứt, Pháp và Đức được coi là những kẻ thù truyền kiếp. Quan hệ Pháp-Đức là quan hệ thù địch, khó có thể hoà giải

vì tính chất của các xung đột, tranh giành quyền lực.

## 2.2. Quan hệ Đức-Pháp từ sau Chiến tranh thế giới Thứ hai

Trong giai đoạn sau Chiến tranh Thế giới thứ II, Pháp theo đuổi mục tiêu ngăn chặn sự trở lại của chủ nghĩa phát xít nói riêng và nước Đức nói chung. Để đạt được mục tiêu này, Pháp đề nghị tách vùng Rheinland ra khỏi nước Đức, thiết lập một trật tự kiểm soát quốc tế đối với vùng Ruhr để đáp ứng nhu cầu than của Pháp. Nhưng những mục tiêu này đã không thực hiện được bởi những khó khăn ngay trong nội tại nước Pháp và cuộc đối đầu với phe xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô. Ngoài ra, sự hình thành hai nước Đức vào năm 1949 một mặt phản ánh sự đối đầu Đông-Tây, nhưng mặt khác thể hiện sự đồng tình của các nhà lãnh đạo Pháp. Mục đích của Pháp là kiểm soát Đức, không cho phép tồn tại một nước Đức thống nhất, phát triển, đe dọa đến hoà bình và an ninh của châu Âu.

Vai trò của Pháp còn được tiếp tục thể hiện trong tiến trình nhất thể hoá châu Âu. Người có nhiều ảnh hưởng cũng như đóng góp cho tiến trình đó là ngoại trưởng Pháp Robert Schuman với kế hoạch xây dựng một thị trường than- thép chung của châu Âu, theo đó bất kỳ quốc gia châu Âu nào đều có thể liên kết với Pháp và Đức về các nguồn tài nguyên than, thép.<sup>2</sup> Tuyên bố của Ngoại

<sup>2</sup> Carlo Altomonte và Mario Nava, *Kinh tế và chính sách của EU mở rộng*, Nxb Chính trị quốc gia 2004, tr.14-15.

trường Pháp đã tăng thêm lòng tin đối với nước Đức về một quá khứ không mấy tốt đẹp của Đức. Thông qua dự án này, Pháp đạt được cả hai mục tiêu là kiểm soát Đức và sử dụng được nguồn nguyên liệu của Đức. Ý tưởng đó của Pháp được vị Thủ tướng đầu tiên của CHLB Đức là Konrad Adenauer hoan nghênh, coi đó là biểu hiện của việc Pháp chủ động hoà giải và đối xử bình đẳng với Đức. Trên cơ sở đó, Cộng đồng Than Thép Châu Âu (ECSC) đã ra đời vào ngày 18/04/1951 với sự tham gia của 6 nước là Đức, Pháp, Italia, Bỉ, Luxembua và Hà Lan. Sự kiện này là mốc khởi đầu cho tiến trình thống nhất châu Âu, đồng thời đánh dấu một thời kỳ mới trong quá trình hoà giải Đức-Pháp.

Sự hội nhập kinh tế châu Âu đã được nâng lên vào năm 1957, khi 6 quốc gia này nhất trí ký kết Hiệp ước Roma để xây dựng Cộng đồng Năng lượng nguyên tử Châu Âu (EURATOM) và Cộng đồng Kinh tế Châu Âu (EEC). Tuy nhiên, do quan điểm của Tổng thống Pháp lúc bấy giờ là Tướng De Gaulle là phải duy trì càng nhiều càng tốt lợi ích quốc gia của Pháp, nên Cộng đồng Châu Âu đã không có nhiều tiến triển trong suốt một thập kỷ.<sup>3</sup>

Như vậy, từ vị trí kẻ thù trong chiến tranh, trước nguy cơ của chủ nghĩa cộng sản, đứng đầu là Liên Xô, nước Đức đã trở thành đối tác của các nước phương Tây. Những nhà lãnh đạo đầu tiên của Đức như Tổng thống

Theodor Heuss (cầm quyền 1949-1959), Thủ tướng Konrad Adenauer (1949-1963), Ludwig Erhard (1963-1966) đã có công rất lớn trong việc mở rộng ảnh hưởng chính trị của Đức ở châu Âu và thế giới. Sự kiện phong toả Berlin năm 1948, thành lập nhà nước CHDC Đức năm 1949 và sự mở rộng ảnh hưởng của Liên Xô ở Đông Âu đã buộc nước Pháp dần dần thay đổi thái độ thù địch đối với nước Đức và đồng ý với đề nghị của các nước phương Tây về chủ trương hội nhập của CHLB Đức, kẻ thù truyền kiếp của mình và hội nhập nước Đức vào mặt trận chung chống chủ nghĩa cộng sản. Bằng chứng của quá trình này là tháng 7 năm 1951, Anh, Pháp và Mỹ tuyên bố chấm dứt tình trạng chiến tranh với nước Đức. Ngày 5/5/1955, CHLB Đức gia nhập khối NATO.

Cuộc chiến tranh Lạnh mở rộng đã ảnh hưởng sâu sắc đến tiến trình nhất thể hóa châu Âu nói chung và quan hệ Pháp-Đức nói riêng. Sự kiện Liên Xô phóng vệ tinh nhân tạo năm 1957 đã cho thấy sức mạnh đáng kể của Liên Xô trong cuộc chạy đua vũ trang với phương Tây. Ở châu Âu, việc xây bức tường Berlin vào ngày 13/08/1961 đã làm cho sự đối đầu giữa hai phe trở nên căng thẳng hơn bao giờ hết. Trên bình diện quốc tế, vụ khủng hoảng tên lửa năm 1962 một lần nữa lại làm cho cả thế giới phải nín thở trước hiểm hoạ của một cuộc chiến tranh mới. Trước tình hình đó, Đức buộc phải tìm đường đi riêng cho mình để củng cố tuyến phòng thủ của phương Tây chống Liên Xô tại Berlin, thích nghi với khuynh hướng hoà dịu

<sup>3</sup> Carlo Altomonte và Mario Nava, Sdd, tr. 16-17.

trong xung đột Đông-Tây và ngăn chặn việc chia cắt hản nước Đức.<sup>4</sup> Không chỉ có Đức mà cả Pháp cũng nhận thấy rằng, trong cuộc đối đầu với phe xã hội chủ nghĩa, họ phải tạm gác bỏ những xung đột có tính chất song phương, vì một lợi ích lớn hơn. Chính vì vậy, cả hai nước Đức và Pháp đã quyết định nâng quan hệ song phương lên một tầm cao mới. Việc ký Hiệp ước Elysee ngày 22/01/1963 đã chấm dứt sự thù địch của hai quốc gia, tạo tiền đề cho hai dân tộc xích lại gần nhau.

Với Hiệp ước này, hai bên đã đạt được một số nội dung chính như sau. Hai bên nhất trí thể chế hoá các cuộc gặp gỡ ở nhiều cấp khác nhau, ví dụ gặp gỡ Bộ trưởng Quốc phòng là ba tháng một lần, giữa các tham mưu trưởng là hai tháng một lần và giữa các nhà lãnh đạo cấp cao tối thiểu sáu tháng một lần. Hai bên nhất trí tiến hành tư vấn và trao đổi về tất cả các vấn đề phát triển kinh tế, quốc phòng và văn hoá. Đặc biệt, hai bên nhấn mạnh việc tăng cường sự giao lưu tìm hiểu giữa hai dân tộc, nhất là giữa các tầng lớp thanh thiếu niên.<sup>5</sup> Thông qua Hiệp ước này, hàng loạt các tổ chức thanh niên Pháp-Đức, các trường kết nghĩa, các thành phố kết nghĩa được thành lập. Tính ra, có tới hơn 2.000 quan hệ đối tác giữa các thành phố và

hơn 3.000 quan hệ kết nghĩa giữa các trường học, khu vực.<sup>6</sup>

Với Hiệp ước Elysee, quan hệ Đức - Pháp đã thay đổi về chất: từ thù địch trở thành bạn bè, từ đối đầu trở thành hợp tác. Quan hệ Đức - Pháp còn đóng vai trò quyết định, có tính chất bước ngoặt cho sự hình thành một châu Âu thống nhất. Hiệp ước này phục vụ cho cả lợi ích quốc gia và khu vực. Nó thể hiện tính mềm dẻo, linh hoạt, không ảnh hưởng đến các cam kết đa phương của Đức trước đây và cũng không cản trở hai nước thực hiện chính sách đối ngoại khác biệt của họ. Kể từ đây, con đường kiến thiết châu Âu không thể không có mặt bộ hai Đức và Pháp và vị trí của họ ngày càng được khẳng định.

Quan hệ Đức - Pháp giai đoạn 1963-1989 một mặt phản ánh sự vận động nội tại của mỗi nước, mặt khác cũng không tránh khỏi sự tác động sâu sắc của cuộc chiến tranh Lạnh. Trước hết, trong lĩnh vực an ninh quốc phòng, sự bất hoà giữa Pháp và Đức là điều dễ hiểu. Với tư cách là người bại trận trong Chiến tranh thế giới Thứ II, không được phép có lực lượng quân sự mà chỉ có lực lượng tự vệ, nước Đức buộc phải nhấn mạnh đến sự hợp tác với Mỹ và NATO như những yếu tố bảo đảm cho sự toàn vẹn của mình. Đề nghị không sử dụng vũ lực được chính phủ Đức đưa ra năm 1966 trong Công hàm Hoà bình định hướng tới một trật tự hoà bình ở châu Âu. Nhìn chung, Đức theo đuổi

<sup>4</sup> Cơ quan báo chí và thông tin chính phủ CHLB Đức, *Nước Đức-Quá khứ và hiện tại*, Nxb Chính trị quốc gia 2003, tr.150.

<sup>5</sup> Toàn văn Hiệp ước Elysee được in trong: *Aussenpolitik der Bundesrepublik Deutschland-Dokumente von 1949 bis 1994, Herausgegeben aus Anlass des 125 Jubilaeums des Auswaertiges Amt (Chính sách Đối ngoại của CHLB Đức - Các Tài liệu từ 1949 đến 1994, Xuất bản nhân dịp kỷ niệm 125 năm Bộ Ngoại giao Đức)*, Koeln 1995, tr.275-278.

<sup>6</sup> Cơ quan báo chí và thông tin chính phủ CHLB Đức, *Sdd*, tr.249.

một mục đích kép là duy trì sức mạnh quân sự và đồng thời sẵn sàng đối thoại với khối Đông Âu. Ngoài châu Âu, nước Đức còn đặc biệt chú trọng tới việc bồi thường cho người Do Thái. Trong tổng số 90 tỷ Mác tiền bồi thường thì khoảng một phần ba được trả cho Ixraen và các tổ chức Do Thái.<sup>7</sup>

Để tạo ra sự thay đổi trong quan hệ đối ngoại, CHLB Đức chủ trương mở rộng quan hệ với các nước ở Đông Âu, tham gia vào khuynh hướng hoà dịu Đông-Tây. Ngoài Công hàm Hoà bình năm 1966 đã nhắc ở trên, CHLB Đức còn chủ trương hướng tới một trật tự hoà bình ở châu Âu được đưa ra những năm 1966-1969. Đầu năm 1967, CHLB Đức thiết lập quan hệ ngoại giao với Rumani. Cùng năm đó, CHLB Đức và Tiệp Khắc đã trao đổi văn phòng thương mại tại thủ đô của hai nước.

Một bước tiến quan trọng khác thể hiện chính sách đối ngoại mềm dẻo của CHLB Đức là sự kiện ngày 21/10/1969, khi nước này công nhận CHDC Đức là nhà nước thứ hai trên lãnh thổ nước Đức. Đối với CHDC Đức, chính sách của Pháp khá cứng rắn và nhất quán. Pháp không muốn chứng kiến một nước Đức hùng mạnh và thống nhất. Vì thế mãi đến ngày 9/2/1973, Pháp mới công nhận CHDC Đức. Sự kiện này cũng phản ánh phần nào xu thế hoà dịu của khu vực và tiến trình nhất thể hoá châu Âu đang được đẩy mạnh vào những năm 1970. Với sự rút lui của De Gaulle khỏi chính trường nước Pháp vào

ngày 23.04.1969, quan hệ của Pháp với châu Âu nói chung mới trở lại bình thường. Bằng chứng là sự mở rộng của Cộng đồng Kinh tế châu Âu chỉ diễn ra lần đầu tiên vào ngày 1/1/1973. Trước đó, chính De Gaulle là người đã hai lần ngăn cản không cho Anh gia nhập Cộng đồng Kinh tế Châu Âu vào ngày 14.1.1963 và 27.11.1967.<sup>8</sup>

Những năm tiếp theo thể hiện sự đồng thuận trong quan hệ Đức - Pháp và chính sự đồng thuận này là động lực giúp cho tiến trình nhất thể hoá châu Âu được diễn ra một cách suôn sẻ. Tình bạn giữa Tổng thống Pháp Valery Giscard d'Estaing và Thủ tướng Đức Helmut Schmidt (cầm quyền 1974-1982) đã giúp cho quan hệ hai nước nói riêng và cho sự phát triển của châu Âu nói chung. Chính trong thời gian này, Hội đồng Châu Âu đã được thành lập và cơ chế bầu cử trực tiếp vào Nghị viện Châu Âu được thông qua. Ngày 13.3.1979, nhờ có nỗ lực của lãnh đạo hai nước Pháp và Đức mà hệ thống tiền tệ châu Âu bắt đầu có hiệu lực. Theo sáng kiến của Tổng thống Pháp, từ ngày 13 đến ngày 17/11/1975, các nguyên thủ của 7 quốc gia công nghiệp quan trọng đã gặp nhau ở Rambouillet lần đầu tiên, hình thành cơ chế G-7 như ngày nay.

Mối quan hệ Đức-Pháp còn tiếp tục được phát triển trong giai đoạn cầm quyền của Tổng thống Francois Mitterrand và Thủ tướng Helmut Kohl. Năm 1983, hai bên đã đạt được những thoả thuận quan trọng về tên lửa mang đầu đạn hạt nhân tầm trung. Năm

<sup>7</sup> Cơ quan báo chí và thông tin chính phủ CHLB Đức, Sđd, tr.152

<sup>8</sup> *Europa Handbuch*, Bonn 2002, tr. 132.

1984, hai nguyên thủ đã tìm giải pháp cho vấn đề tài chính của Cộng đồng Châu Âu. Năm 1985, sáng kiến của Pháp về đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu và công nghệ nhằm cải thiện khả năng cạnh tranh của châu Âu trong những lĩnh vực then chốt của công nghiệp tương lai đã nhận được sự ủng hộ của CHLB Đức và các nước khác. Trên cơ sở đó Cơ quan Phối hợp nghiên cứu Châu Âu (EUREKA) đã ra đời.

Hiệp định Maastricht và quyết định về một đồng tiền chung châu Âu mà Hội đồng Châu Âu thông qua ngày 9-10/12/1992 chỉ có thể được thực hiện với sự đồng thuận và hợp tác chặt chẽ của hai nước Đức và Pháp. Có được sự nhất trí này là do lãnh đạo hai nước nhận thức được rõ vị trí và vai trò của mỗi nước phải được gắn kết với sự phát triển của một tổ chức cao hơn là Cộng đồng Châu Âu. Đó cũng chính là quan điểm của Tổng thống Pháp Jacques Chirac. Ông luôn nhấn mạnh rằng nước Pháp không thể có được ảnh hưởng quốc tế nào nếu không có Liên minh Châu Âu.<sup>9</sup>

Những năm đầu thế kỷ XXI khẳng định tầm quan trọng của quan hệ Đức - Pháp trước những thách thức mới của Liên minh Châu Âu và thế giới. Sự bất đồng quan điểm giữa Pháp và Đức chủ yếu tập trung ở những lĩnh vực ưu tiên, mà theo Pháp thì trước hết Liên minh Châu Âu cần phải tiến hành cải cách thể chế trước khi mở rộng sang phía đông. Ngoài ra, Pháp cũng phủ nhận tương lai của một Liên bang Châu Âu và chỉ ủng hộ một

liên minh của các quốc gia dân tộc, trong đó quyền lực được cân bằng giữa cấu trúc siêu quốc gia và các quốc gia thành viên.

### 3. So sánh vai trò của Đức và Nhật trong vấn đề thể chế hoá kinh tế khu vực

Có thể nói gần nửa thế kỷ qua nước Đức đã rất tích cực và quyết tâm trong việc xác định và theo đuổi lợi ích kinh tế quốc gia trong các tổ chức của châu Âu. Ngay sau khi được hình thành vào năm 1949, CHLB Đức đã phối hợp chặt chẽ với các nước láng giềng Tây Âu, đặc biệt với Pháp để thiết lập một trật tự kinh tế khu vực mới với sự tham gia của các cường quốc Tây Âu, ví dụ như Cộng đồng Than thép Châu Âu 1951, Cộng đồng Kinh tế Châu Âu năm 1957 và Cộng đồng Châu Âu 1967.

Cũng chính là CHLB Đức đã đóng vai trò then chốt cùng với Pháp, có sự tham gia của Anh trong các nỗ lực để phát triển một số chương trình thương mại mới, quan trọng. Đó là chương trình thị trường chung năm 1985 và Đạo luật về một Châu Âu đơn nhất năm 1986.

Ngoài ra, CHLB Đức cũng là nước có đóng góp quan trọng trong việc kết nối và phát triển sự hợp tác trên lĩnh vực tiền tệ giữa các nước châu Âu bắt đầu từ năm 1971, trải qua các giai đoạn chuẩn bị năm 1979 và 1992 và đã đưa vào hoạt động từ năm 2001 với đồng Euro chung.<sup>10</sup>

CHLB Đức cũng là nước đã đóng vai trò quyết định trong việc mở rộng quan hệ với

<sup>9</sup> *Europa Handbuch*, Bonn 2002, tr. 134.

<sup>10</sup> Carlo Altomonte và Mario Nava, Sđd, tr.30-31.

các nước thuộc phe XHCN ở Đông Âu trước đây, thực hiện thành công việc kết nạp các nước Đông Âu vào EU vào tháng 5 năm 2004. Cũng chính là CHLB Đức đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng một chương trình nghị sự cho Hội đồng Châu Âu họp tại Amsterdam năm 1997 để bàn bạc về sự cải cách thể chế của EU, đưa ra dự thảo Hiệp ước mới của Liên minh.

Ngược lại, Nhật Bản không hề có chủ trương hoặc hành động nào nhằm phát triển hoặc giúp đỡ việc thiết lập những cơ chế thúc đẩy sự tự do thương mại hoặc hội nhập của khu vực. Quan hệ ngoại giao của Nhật Bản trong những năm 1990 đã chứng tỏ sự không thiết tha của Nhật với ý tưởng về việc xây dựng một cơ chế chung.<sup>11</sup>

Tháng 12 năm 1990, đứng trước diễn biến của sự hội nhập kinh tế của khu vực Tây Âu và Bắc Mỹ, và trước thất bại của vòng đàm phán Doha, Thủ tướng Malaysia lúc bấy giờ là Mahathir đã đề nghị các nước trong khu vực nên thành lập một tổ chức kinh tế Đông Á có tên gọi là East Asean Economic Group (EAEG). Tổ chức này sẽ bao gồm 6 nước ASEAN và các nước ngoài ASEAN lúc bấy giờ như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam, Lào, Campuchia, Đài Loan, Hong Kong. Đề án này hy vọng các nước này sẽ có tiếng nói chung trong các cuộc đàm phán đa phương và tương lai sẽ hình thành một thị trường chung. Tuy nhiên, đề án này

đã không nhận được sự ủng hộ chính thức nào của các nước, ngoại trừ Singapore. Indônêxia đề nghị phải có sự thảo luận trong ASEAN. Nhưng đặc biệt Nhật Bản tỏ ra thờ ơ với đề án này. Cuối tháng tư năm 1991, Nhật Bản nói là phải đợi cho đến khi Malaysia thoả thuận được với các nước ASEAN mới có thể xem xét quyết định. Tháng 5 năm 1991, Thủ tướng Kaifu cho rằng Nhật đang theo đuổi một hệ thống thương mại tự do và Nhật Bản không nên tạo ra vấn đề cũng như sự hiểu lầm bằng cách thành lập “những tổ chức của các nước bé nhỏ không có mục đích”.<sup>12</sup>

Đầu tháng 10 năm 1991, Mahathir nhận thấy đề án này không nhận được sự ủng hộ của chính các nước ASEAN, nên đã đề nghị thành lập một tổ chức gọn nhẹ và ít chính thức hơn là Uỷ ban kinh tế Đông Á (EAEC). Nhưng Nhật Bản vẫn tiếp tục thờ ơ với dự án này. Lý do mà Nhật Bản đưa ra là Uỷ ban này đã loại bỏ sự tham gia của Mỹ. Tháng 7 năm 1993, cả Nhật Bản và Hàn Quốc đều tuyên bố không thể tham gia tổ chức này. Đầu năm 1995, Mahathir nhấn mạnh sự cần thiết của EAEG, nhưng không đồng ý cho Australia và New Zealand tham gia với lý do hai nước này không phải thuộc châu Á. Phản ứng của Nhật Bản là nước này chỉ ủng hộ EAEG, khi mà các thành viên của APEC đồng ý. Tháng 4 năm 1995, Thái Lan đã quyết định huỷ bỏ việc đăng cai cuộc gặp của ASEAN để bàn về đề nghị thành lập EAEG, khi biết Nhật Bản không tham dự cuộc họp này.

<sup>11</sup> Joseph M. Grieco, *Realism and Regionalism, American power and German and Japanese institutional strategies during and after the Cold War.*

<sup>12</sup> Joseph M. Grieco, *Realism and Regionalism, American power and German and Japanese institutional strategies during and after the Cold War.*



Nói tóm lại, cho đến nay, mặc dù đã có những tiến bộ nhất định trong tiến trình hướng tới một Cộng đồng Đông Á, nhưng kinh nghiệm cho thấy, ngay từ đầu, ý tưởng này đã gặp phải nhiều cản trở. Đó là mối quan hệ phức tạp giữa các quốc gia trong khu vực và tác động của những quốc gia ngoài khu vực, đặc biệt là Mỹ. Khác với Tây Âu, nơi mà quyền lợi của Mỹ được bảo đảm bằng Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương được ký kết ngay từ năm 1949, ở khu vực Đông Á vị thế của Mỹ đang bị xem xét lại và bị cạnh tranh mạnh mẽ. Do đó, Mỹ sẽ tìm mọi cách để ngăn cản quá trình hội nhập của Đông Á, cho dù các nước trong khu vực đã và đang có rất nhiều cố gắng.

#### 4. Một số nhận xét

- Nói tóm lại, khi nghiên cứu về quá trình hoà giải trong quan hệ Đức - Pháp, chúng ta nhận thấy quan hệ song phương này vừa là lợi ích của hai nước vừa là động lực cho tiến trình nhất thể hoá châu Âu. Cả hai nước Đức và Pháp đều nhận thấy tầm quan trọng của việc gắn kết lợi ích quốc gia trong lợi ích khu vực hay nói cách khác không có mâu thuẫn giữa lợi ích khu vực với lợi ích quốc gia và ngược lại. Vì thế cả hai nước Pháp và Đức đã tập trung sức lực và trí tuệ cho quá trình hoà giải, đồng thời là quá trình nhất thể hoá châu Âu.

Có thể nói, quan hệ song phương Đức-Pháp là hàn thử biểu cho Liên minh Châu Âu. Khi mối quan hệ này tốt đẹp, đạt được sự đồng thuận thì đó là lúc Liên minh Châu Âu có sự nhất trí, hài hoà và ngược lại. Cho nên quan hệ song phương Đức-Pháp là mối quan

tâm không chỉ của hai nước mà của cả Liên minh.

Nhìn chung, khi phân tích chính trị quốc tế nói chung và quá trình hoà giải mâu thuẫn giữa Đức và Pháp nói riêng, người ta phải chú ý đến ba yếu tố chủ yếu sau đây, đó là: tình hình của thế giới/khu vực, tình hình nội tại của mỗi nước và những người hoạch định chính sách. Hai nước Đức và Pháp đã giải quyết được sự mâu thuẫn vì khi đưa ra đường lối của mình họ hội tụ được cả ba yếu tố này.

#### Tài liệu tham khảo

1. Joseph M. Grieco, *Realism and Regionalism, American Power and German and Japanese Institutional Strategies During and After the Cold War*.
2. Europa Handbuch, Bonn 2002.
3. Cơ quan báo chí và thông tin chính phủ CHLB Đức, *Nước Đức-Quá khứ và hiện tại*, Nxb Chính trị quốc gia 2003.
4. Carlo Altomonte và Mario Nava, *Kinh tế và chính sách của EU mở rộng*, Nxb Chính trị quốc gia 2004.
5. Carlo Filippini, Bùi Huy Khoát, Stefan Hell, *Mở rộng EU và các tác động đối với Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2004.
6. Aussenpolitik der Bundesrepublik Deutschland-Dokumente von 1949 bis 1994, Herausgegeben aus Anlass des 125. Jubilaeums des Auswaertiges Amt (*Chính sách Đối ngoại của CHLB Đức - Các Tài liệu từ 1949 đến 1994, Xuất bản nhân dịp kỷ niệm 125 năm Bộ Ngoại giao Đức*), Koeln 1995.